

NHU CẦU VÀ KHẢ NĂNG CHI TRẢ DỊCH VỤ TƯ VẤN DINH DƯỠNG NHI KHOA CỦA BÀ MẸ TẠI BỆNH VIỆN BẮC THĂNG LONG NĂM 2019

Nguyễn Thị Thanh Luyện¹ và Phạm Thị Diệp^{2,✉}

¹Bệnh viện Bắc Thăng Long

²Trường Đại học Thăng Long

Một nghiên cứu mô tả cắt ngang thực hiện trên 269 bà mẹ có con đang điều trị tại khoa Nhi bệnh viện Bắc Thăng Long nhằm khảo sát nhu cầu và khả năng chi trả cho dịch vụ tư vấn dinh dưỡng nhi khoa. Nghiên cứu cho thấy phần lớn các bà mẹ chưa được tư vấn dinh dưỡng nhi, 79,3% bà mẹ có nhu cầu được tư vấn dinh dưỡng cho con, trên 70% bà mẹ có nhu cầu được tư vấn dinh dưỡng nhi theo hình thức cá nhân tại phòng khám dinh dưỡng, 66,5% sẵn sàng chi trả ngoài bảo hiểm với mức giá 100 000 đồng cho dịch vụ này. Vì vậy, có thể triển khai phòng tư vấn dinh dưỡng dịch vụ tại cơ sở nhằm đáp ứng nhu cầu cao của người bệnh.

Từ khóa: Tư vấn dinh dưỡng nhi, khả năng chi trả, bệnh viện Bắc Thăng Long

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Việt Nam đang phải đối mặt với gánh nặng kép về dinh dưỡng, tình trạng thừa cân béo phì ở các thành phố lớn và tình trạng suy dinh dưỡng nhẹ cân và thấp còi ở các vùng sâu, vùng xa.¹ Theo Viện Dinh dưỡng quốc gia, tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi trẻ em ở nước ta năm 2015 là 24,9% và thể nhẹ cân là 14,1% trong khi đó thừa cân, béo phì ở trẻ em ở thành phố Hồ Chí Minh và nội thành Hà Nội lần lượt là 50% và 41%.² Tư vấn dinh dưỡng được coi là một trong những biện pháp hiệu quả giúp làm nâng cao nhận thức và khuyến khích lối sống lành mạnh, thay đổi hành vi ăn uống.^{3,4} Người bệnh đặc biệt là đối tượng bà mẹ, trẻ em rất cần được tư vấn dinh dưỡng.⁵ Một nghiên cứu của Nguyễn Viết Hải tại nội thành Hà Nội cho thấy 79,6% đối tượng có nhu cầu tư vấn dinh

dưỡng.⁶ Các phòng tư vấn dinh dưỡng có thể được xây dựng lồng ghép cùng với các dịch vụ chăm sóc sức khỏe khác như dịch vụ tiêm chủng, dịch vụ khám nhi khoa hoặc được mở độc lập. Tại Việt Nam, phòng khám tư vấn dinh dưỡng đã xuất hiện tại thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội như Viện dinh dưỡng quốc gia, Bệnh viện Bạch Mai, Bệnh viện Đại học Y Hà Nội, các phòng khám tư vấn dinh dưỡng tư nhân khác... Tuy nhiên tại các bệnh viện tuyến dưới, bệnh viện ngoại thành như bệnh viện Bắc Thăng Long vẫn chưa có phòng tư vấn dinh dưỡng đồng thời cũng chưa có nghiên cứu nào khảo sát về nhu cầu, khả năng chi trả cho dịch vụ tư vấn dinh dưỡng. Vì vậy, chúng tôi thực hiện nghiên cứu nhằm tìm hiểu nhu cầu của các bà mẹ về dịch vụ y tế này để từ đó có thể tham mưu cho ban lãnh đạo bệnh viện triển khai hoạt động tư vấn dinh dưỡng hiệu quả, đáp ứng nhu cầu thực tiễn của người bệnh.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP

1. Đối tượng

Tác giả liên hệ: Phạm Thị Diệp,

Trường Đại học Thăng Long

Email: diepvt@thanglong.edu.vn

Ngày nhận: 14/04/2020

Ngày được chấp nhận: 09/06/2020

Tiêu chuẩn lựa chọn:

- Các bà mẹ có con đang điều trị tại khoa Nhi, bà mẹ có khả năng đọc, hiểu các câu hỏi của điều tra viên.

- Bà mẹ phải là người trực tiếp chăm sóc trẻ khi ở nhà.

- Đối tượng đồng ý tham gia nghiên cứu và hợp tác trong quá trình nghiên cứu.

Tiêu chuẩn loại trừ: Những đối tượng chăm sóc trẻ nhưng không phải là mẹ của trẻ như bố, ông, bà, người giúp việc, ...

2. Phương pháp

Thiết kế nghiên cứu: Mô tả cắt ngang.

Thời gian nghiên cứu: Từ tháng 08/2019 đến tháng 10/2019

Địa điểm nghiên cứu: Khoa Nhi, Bệnh viện Bắc Thăng Long.

Cỡ mẫu và phương pháp chọn mẫu:

Áp dụng công thức tính cỡ mẫu ước lượng một tỷ lệ:

$$n = Z_{1-\alpha/2}^2 \frac{p(1-p)}{d^2}$$

n: cỡ mẫu

p: lấy p = 0,796 là tỷ lệ đối tượng có nhu cầu tư vấn dinh dưỡng theo một nghiên cứu trước⁶

d: khoảng sai lệch tuyệt đối mong muốn giữa tham số mẫu và tham số quần thể lấy bằng 0,05

α : mức ý nghĩa thống kê lấy bằng 0,05

$Z_{1-\alpha/2} = 1,96$ (ứng với độ tin cậy 95%)

Dự phòng 8% bà mẹ bỏ cuộc ta được n = 269.

Sử dụng phương pháp chọn mẫu thuận tiện. Phỏng vấn các bà mẹ có con đang điều trị tại khoa Nhi trong thời gian tiến hành nghiên cứu và thỏa mãn các tiêu chuẩn được đưa vào nghiên cứu cho đến khi đủ cỡ mẫu.

Biến số, chỉ số nghiên cứu:

- Đặc điểm đối tượng nghiên cứu: tuổi, trình

độ văn hóa, nghề nghiệp, địa chỉ.

- Nhu cầu tư vấn dinh dưỡng: loại hình tư vấn dinh dưỡng, địa điểm tư vấn, người tư vấn dinh dưỡng, thời điểm tư vấn dinh dưỡng, nội dung tư vấn dinh dưỡng

- Khả năng sẵn sàng chi trả cho dịch vụ tư nguyện và tư vấn dinh dưỡng.

Công cụ nghiên cứu: Bộ câu hỏi phỏng vấn được thiết kế sẵn.

3. Xử lý số liệu

Thông tin thu thập từ phiếu phát được nhập liệu, xử lý, phân tích số liệu bằng phần mềm SPSS16. Các phép thống kê được áp dụng: thống kê mô tả bao gồm tính tần số, tỷ lệ phần trăm được trình bày thông qua các bảng phần mềm SPSS16..

4. Đạo đức nghiên cứu

Thông tin, số liệu thu thập được trong nghiên cứu chỉ dành cho mục đích nghiên cứu, đã được chấp thuận của Hội đồng khoa học công nghệ bệnh viện Bắc Thăng Long năm 2019. Đối tượng nghiên cứu được giải thích về mục đích và nội dung trước khi tiến hành.

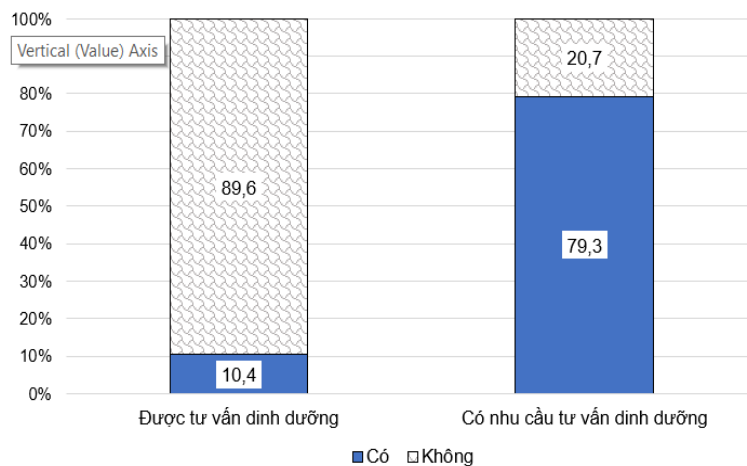
III. KẾT QUẢ**1. Đặc điểm chung đối tượng nghiên cứu**

Nghiên cứu tiến hành trên 269 bà mẹ trong đó bà mẹ có độ tuổi từ 20 - 35 tuổi chiếm tỷ lệ cao nhất với 87,7%, có trình độ học vấn là Trung học Phổ thông trở lên với tỷ lệ là 99,6% và nghề nghiệp chính là công nhân/nhân viên chiếm tỷ lệ cao nhất với 58,4%, tiếp theo là làm ruộng với 20,1%. Về địa lý, nơi ở của các bà mẹ được phỏng vấn chủ yếu tại 2 huyện ngoại thành Hà Nội là Sóc Sơn và Đông Anh với tỷ lệ lần lượt là 65,4% và 29,7%, chỉ có 4,8% bà mẹ là ở những nơi khác.

Bảng 1. Một số đặc điểm về đối tượng nghiên cứu (n = 269)

	Thông tin	Số lượng (n)	Tỷ lệ (%)
Tuổi mẹ	<20 tuổi	2	0,7
	20 – 35 tuổi	236	87,7
	> 35 tuổi	31	11,6
Trình độ học vấn	Trung học Phổ thông	162	60,2
	Trung cấp/Cao đẳng	64	23,8
	ĐH/SĐH	42	15,6
	Khác	1	0,4
Nghề nghiệp	Làm ruộng	54	20,1
	Công nhân/viên chức	157	58,4
	Nội trợ	8	3,0
	Khác	50	18,5
Nơi ở	Đông Anh	80	29,7
	Sóc Sơn	176	65,4
	Khác	13	4,9

2. Nhu cầu tư vấn dinh dưỡng nhi của bà mẹ



Biểu đồ 1. Tỷ lệ bà mẹ có con được và có nhu cầu tư vấn dinh dưỡng

Phần lớn các bà mẹ có con chưa được tư vấn dinh dưỡng nhi với tỷ lệ là 89,6%. Chỉ có 10,4% các bà mẹ có con được tư vấn dinh dưỡng nhi. Đa số các bà mẹ có nhu cầu được tư vấn dinh dưỡng cho con chiếm 79,3%.

Nhu cầu về nội dung tư vấn dinh dưỡng, 78,4% bà mẹ có nhu cầu muốn được tư vấn về

chế độ dinh dưỡng bệnh lý khi trẻ ốm, 76,2% bà mẹ muốn được tư vấn về tình trạng dinh dưỡng hiện tại của trẻ. Ngoài ra, nhu cầu được tư vấn về cách đánh giá, theo dõi tình trạng dinh dưỡng và tăng trưởng của trẻ; tư vấn về chế độ chính sách dinh dưỡng tại viện lần lượt là 71,6% và 70,6% (Bảng 2).

Bảng 2. Nhu cầu về nội dung tư vấn dinh dưỡng (n = 269)

Nội dung	Số lượng (n)	Tỷ lệ (%)
Tình trạng dinh dưỡng hiện tại của trẻ	205	76,2
Chế độ dinh dưỡng bệnh lý của trẻ	211	78,4
Chế độ dinh dưỡng khi trẻ ra viện	182	67,7
Chế độ dinh dưỡng khi trẻ khỏe mạnh	171	63,6
Cách đánh giá, theo dõi tình trạng dinh dưỡng và tăng trưởng của trẻ	193	71,7
Các chế độ chính sách về dinh dưỡng trong quá trình khám và điều trị tại bệnh viện.	190	70,6

Nhu cầu về địa điểm tư vấn dinh dưỡng, 195 bà mẹ muốn được tư vấn dinh dưỡng nhi tại phòng khám dinh dưỡng riêng (72,5%) và 34 bà mẹ chiếm 12,6% đối tượng chỉ có nhu cầu được tư vấn dinh dưỡng tại phòng khám ban đầu chuyên khoa khác. Về thời điểm, 43,0% bà mẹ có nhu cầu tư vấn dinh dưỡng nhi khi trẻ nằm viện. Có 26% bà mẹ có nhu cầu được tư vấn khi trẻ ăn ít hoặc biếng ăn. Đa số các bà mẹ mong muốn được tư vấn theo hình thức tư vấn cá nhân chiếm 74,7%, chỉ có 31 bà mẹ (11,5%) có nhu cầu tư vấn theo hình thức tư vấn nhóm.

3. Khả năng chi trả cho dịch vụ tư vấn dinh dưỡng

Bảng 3. Sẵn sàng chi trả cho dịch vụ tư vấn dinh dưỡng tại phòng khám (n = 269)

Đặc điểm	Số lượng (n)	Tỷ lệ (%)
Sẵn sàng chi trả cho dịch vụ khám bệnh ngoài bảo hiểm	Có	221
	Không	48
Sẵn sàng chi trả 100.000 đồng cho một lần tư vấn dinh dưỡng	Có	179
	Không	90

221 bà mẹ sẵn sàng chi trả cho dịch vụ khám bệnh ngoài bảo hiểm tương ứng 82,2%. Trong đó, có 179 bà mẹ (66,5%) có sẵn sàng chi trả 100.000 đồng cho một lần tư vấn dinh dưỡng nhi tại phòng khám.

IV. BÀN LUẬN

Đối tượng nghiên cứu chủ yếu là các bà mẹ trẻ có độ tuổi từ 20 đến 35 tuổi, hầu hết đều có trình độ Trung học phổ thông trở nên và sống ở khu vực ngoại thành Hà Nội. Các bà mẹ chưa được tiếp cận đến dịch vụ tư vấn dinh dưỡng cho con với tỷ lệ cao (89,6%) vì vậy nhu cầu được tư vấn dinh dưỡng nhi của

các bà mẹ chiếm tỷ lệ cao 79,3%. Tỷ lệ đối tượng có nhu cầu tư vấn dinh dưỡng thấp hơn so với các nghiên cứu của Đỗ Thị Lan với tỷ lệ 87,6%, nghiên cứu của Nguyễn Phương Huyền (92,6%) và nghiên cứu của Nguyễn Thị Đính (90,3%).⁷⁻⁹ Tuy nhiên, kết quả này lại khá tương đồng với nghiên cứu của Nguyễn Viết Hải với 79,6% đối tượng muốn được sử dụng dịch vụ tư vấn dinh dưỡng⁶ và nghiên cứu của Koshimoto với 77,5% đối tượng có nhu cầu tư vấn dinh dưỡng.¹⁰

Chủ yếu các bà mẹ có nhu cầu được tư vấn về chế độ dinh dưỡng khi trẻ ốm, cách đánh giá, theo dõi tình trạng dinh dưỡng tăng trưởng của

trẻ và các chế độ chính sách về dinh dưỡng khi khám tại bệnh viện. Điều này có thể giải thích là do đối tượng nghiên cứu đều là các bà mẹ có con đang điều trị tại viện và dịch vụ chăm sóc dinh dưỡng như suất ăn bệnh lý hay khám, tư vấn dinh dưỡng hiện nay vẫn chưa nằm trong danh mục bảo hiểm chi trả.

Trên 70% các bà mẹ đều mong muốn sử dụng dịch vụ tư vấn dinh dưỡng với hình thức tư vấn cá thể tại phòng khám dinh dưỡng riêng, cao hơn so với nghiên cứu của Nguyễn Việt Hải (64,9%).⁸ Có thể giải thích vì việc tư vấn cá thể tại phòng khám đem lại hiệu quả nhiều hơn so với tư vấn tập thể, các bà mẹ có cơ hội tương tác nhiều hơn với người tư vấn.

Tại bệnh viện Bắc Thăng Long, giá dịch vụ cho một lần khám bệnh ngoài bảo hiểm tại phòng khám (chưa bao gồm các dịch vụ cận lâm sàng và thuốc) là 100.000 VNĐ. Tỷ lệ bà mẹ sẵn sàng chi trả số tiền này khi khám bệnh cho con là khá cao (82,2%). Về dịch vụ tư vấn dinh dưỡng nhi, có 66,5% bà mẹ sẵn sàng chi trả 100.000 VNĐ để được sử dụng dịch vụ này. Tỷ lệ này cao hơn so với nghiên cứu của tác giả Nguyễn Phương Huyền được thực hiện tại 4 tỉnh của Việt Nam năm 2015 khi chỉ có 33,4% bà mẹ chấp nhận mức giá 100.000 VNĐ cho dịch vụ tư vấn dinh dưỡng nhi.⁸ Một nghiên cứu khác của Nguyễn Việt Hải và cộng sự tại khu vực nội thành Hà Nội, cho thấy có tới gần 90% người trả lời sẵn sàng chi trả cho dịch vụ tư vấn dinh dưỡng với mức giá trung bình là 96.100 VNĐ vào năm 2017.⁶ Tương tự, nghiên cứu của Nguyễn Thị Đính cũng cho thấy khả năng chi trả cho một lần tư vấn dinh dưỡng tại phòng tư vấn dinh dưỡng riêng là 94.800 VNĐ.⁹ Sự khác biệt này có thể đến từ yếu tố địa lý và thời điểm của nghiên cứu.

V. KẾT LUẬN

Đa số các bà mẹ chưa được tư vấn dinh dưỡng cho trẻ. Các bà mẹ có nhu cầu cao về

tư vấn dinh dưỡng cho trẻ tại phòng khám dinh dưỡng riêng với hình thức tư vấn cá thể. 66,5% sẵn sàng chi trả cho dịch vụ tư vấn dinh dưỡng tại phòng khám với mức giá 100 000 đồng/lượt tại bệnh viện Bắc Thăng Long. Vì vậy, có thể triển khai phòng tư vấn dinh dưỡng dịch vụ tại cơ sở nhằm đáp ứng nhu cầu cao của người bệnh.

LỜI CẢM ƠN

Nhóm nghiên cứu xin trân trọng cảm ơn Bệnh viện Bắc Thăng Long đã tạo điều kiện trong suốt quá trình thực hiện nghiên cứu. Chúng tôi cũng xin gửi lời cảm ơn chân thành đến các bà mẹ đã tình nguyện tham gia nghiên cứu này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Thị Hương. Dinh Dưỡng Cộng Đồng. Hà Nội: *Nhà xuất bản Y học*; 2015.
2. Vietnam, National Institute of Nutrition. Prevalence of Malnutrition in Vietnamese Children under 5 Years Old; 2015.
3. Cook SL, Nasser R, Comfort BL (Webster), Larsen DK. Effect of Nutrition Counselling On Client Perceptions and Eating Behaviour. *Canadian Journal of Dietetic Practice and Research*. 2006; 67(4): 171-177. doi:10.3148/67.4.2006.171
4. Willaing I, Ladelund S, Jørgensen T, Simonsen T, Nielsen LM. Nutritional counselling in primary health care: a randomized comparison of an intervention by general practitioner or dietician. *Eur J Cardiovasc Prev Rehabil*. 2004; 11(6): 513-520. doi:10.1097/01.hjr.0000152244.58950.5f.
5. Kolasa KM, Rickett K. Barriers to Providing Nutrition Counseling Cited by Physicians: A Survey of Primary Care Practitioners. *Nutr Clin Pract*. 2010; 25(5): 502-509. doi:10.1177/0884533610380057
6. Nguyen HV, Trinh NB, Le HT, et

al. Preference and willingness to pay for nutritional counseling services in urban Hanoi. *F1000Res.* 2017; 6:223. doi: 10.5256/F1000RESEARCH.10974.D153260

7. Đỗ Thị Lan. Đánh giá nhu cầu khám, tư vấn dinh dưỡng và cung cấp suất ăn điều trị và cho bệnh nhân tại Bệnh viện Đại học Y Hà Nội năm 2015. *Khóa luận Cử nhân Dinh dưỡng.* Trường Đại học Y Hà Nội. 2015.

8. Nguyen PH, Hoang MV, Hajeebhoy N, et al. Maternal willingness to pay for infant and young child nutrition counseling services in Vietnam. *Global Health Action.* 2015; 8(1):

28001. doi:10.3402/gha.v8.28001

9. Nguyễn Thị Đinh. Nhu cầu, khả năng chi trả cho suất ăn bệnh lý và tư vấn dinh dưỡng của người bệnh tại bệnh viện K cơ sở Tân Triều năm 2019. *Đề tài cơ sở Bệnh viện K.* 2019.

10. Koshimoto S, Arimoto M, Saitou K, et al. Need and demand for nutritional counselling and their association with quality of life, nutritional status and eating-related distress among patients with cancer receiving outpatient chemotherapy: a cross-sectional study. *Support Care Cancer.* 2019; 27(9): 3385-3394. doi: 10.1007/s00520-018-4628-9

Summary

DEMAND AND AFFORDABILITY OF PEDIATRIC NUTRITION COUNSELING SERVICES OF MOTHERS IN BAC THANG LONG HOSPITAL IN 2019

A cross-sectional study was conducted among 269 mothers whose children received treatment at the Pediatric Department of Bac Thang Long Hospital to investigate the needs and affordability of pediatric nutrition counseling services. Research shows that the majority of mothers had not received pediatric nutrition counseling, 79.3% of mothers wanted to receive nutrition counseling for their children, over 70% of mothers had a need for individual counseling, 66.5% were willing to pay out of pocket 100 000 VND for this service. Therefore, it is possible to set up a nutrition counseling service in hospital to meet this high demand.

Key words: Pediatric nutrition counseling, willingness to pay, Bac Thang Long Hospital